TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2018
V/v ly hôn giữa chị Nh và anh Th

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Cường;

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Nh, sinh năm 1991 "vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985 " vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trương Thị Nh trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Th đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị về gia đình anh Th làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 02/2018 chị và anh Th đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có chị 01con chung là Nguyễn Đức Hiệp, sinh năm 2011. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị Nh vắng mặt nên HĐXX công bố lời khai của chị Nh.

Bị đơn, anh Nguyễn Văn Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang đã được Toà án giao, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Th qua ông Nguyễn Đức Luận, là bố đẻ anh Th nhưng anh Th không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, anh Th vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị Nh chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Th đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị Trương Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức Hiệp, sinh năm 2011. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ các được sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Nh và anh Nguyễn Văn Th đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị Nh và anh Th là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị Nh và anh Th đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị Nh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh Th. Quá trình giải quyết vụ án anh Th không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị Nh và anh Th đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nh được ly hôn anh Th.

[3]*Về nuôi con chung:* Quá trình chung sống giữa chị Nh và anh Th có 01con chung là Nguyễn Đức Hiệp, sinh năm 2011. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với chị Nh. Chị Nh đủ điều kiện để nuôi con và để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Nh tiếp tục nuôi con là phù hợp. Chị Nh không đề nghị anh Th cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Nh và anh Nguyễn Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đức Hiệp, sinh năm 2011 cho chị Trương Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003056 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản.

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Vô Tranh, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Thu Thủy

HUYỆN N
TỈNH BẮC GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ … phút, ngày 18 tháng 7 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cường và bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 97/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Nh, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, 238 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Nh và anh Nguyễn Văn Th.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đức Hiệp, sinh năm 2011 cho chị Trương Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003056 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 18 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Cường **Đỗ Thị Hoài Mơ** **Tạ Thị Thu Thủy**